

CÔNG TY CỔ PHẦN CÈNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN  
Địa Chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Huyện Lagi, Tỉnh Bình Thuận  
MST: 3600802882

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ II - NĂM 2017

(Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017)

Gồm các biểu:

- |                                         |                |
|-----------------------------------------|----------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán                 | (Mẫu số Q-01D) |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | (Mẫu số Q-03D) |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | (Mẫu số Q-03D) |
| 4. Thuyết minh BCTC                     | (Mẫu số B0-DN) |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>850,398,136,298</b>	<b>736,473,682,957</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>145,876,460</b>	<b>40,269,422,827</b>
1. Tiền	111		145,876,460	40,269,422,827
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>834,971,780,009</b>	<b>682,770,362,995</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	249,637,404,694	142,290,179,820
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	386,768,345,504	372,075,840,197
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4		9,285,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	199,542,799,507	160,096,112,674
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(976,769,696)	(976,769,696)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2,238,111,525</b>	<b>1,959,725,440</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2,238,111,525	1,959,725,440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13,042,368,304</b>	<b>11,474,171,695</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13,042,368,304	11,474,171,695
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	minh	Số cuối năm	Số cuối năm
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>395,262,042,616</b>	<b>369,386,188,827</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>165,220,000</b>	<b>146,000,000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.8	165,220,000	146,000,000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>108,857,933,065</b>	<b>108,701,299,276</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3,505,733,065	3,349,099,276
	Nguyên giá	222		8,902,446,358	8,902,446,358
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,396,713,293)	(5,553,347,082)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	105,352,200,000	105,352,200,000
	Nguyên giá	228		105,352,200,000	105,352,200,000
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>47,713,098,283</b>	<b>22,013,098,283</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		47,713,098,283	22,013,098,283
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>238,525,791,268</b>	<b>238,525,791,268</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		238,525,791,268	238,525,791,268
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-

3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268	-	-
5.	Lợi thế thương mại	269	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>	<b>1,245,660,178,914</b>	<b>1,105,859,871,784</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	minh	Số cuối năm	Số cuối năm
<b>C -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>282,017,361,274</b>	<b>143,746,317,495</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>282,017,361,274</b>	<b>109,707,684,135</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	238,287,002,815	105,096,248,814
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	7,175,919,553	46,052,359
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4,218,922,394	4,324,823,310
4.	Phải trả người lao động	314		171,000,000	180,000,000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319		(6,966,043,140)	-
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		39,070,000,000	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60,559,652	60,559,652
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>34,038,633,360</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.16	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	34,038,633,360
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	minh	Số cuối năm	Số cuối năm
D -	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>963,642,817,640</b>	<b>962,113,554,289</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>963,642,817,640</b>	<b>962,113,554,289</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		934,273,600,000	934,273,600,000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>934,273,600,000</i>	<i>934,273,600,000</i>
-	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		849,189,834	849,189,834
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		283,063,278	283,063,278
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28,236,964,528	26,707,701,177
-	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>28,236,964,528</i>	<i>25,047,013,266</i>
-	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		-	<i>1,660,687,911</i>
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>1,245,660,178,914</b>	<b>1,105,859,871,784</b>

Lập, ngày 10 tháng 7 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tuyết

Trần Kiên Cường

Phạm Thị Hình

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị Xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý II năm 2017

Mã chỉ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II Năm 2017	Quý II Năm 2016	Lũy kế năm 2017	Lũy Kế Năm 2016
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.1	102,857,348,180	89,947,533,000	135,206,521,680	159,251,970,395
02	Các khoản giảm trừ doanh thu				-	0
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		102,857,348,180	89,947,533,000	135,206,521,680	159,251,970,395
11	Giá vốn hàng bán	VII.3	101,608,144,500	87,813,882,900	133,260,888,000	155,918,226,495
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		1,249,203,680	2,133,650,100	1,945,633,680	3,333,743,900
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VII.4	8,456	280,000,000	9,212	1,118,000,000
22	Chi phí hoạt động tài chính				-	0
23	Trong đó: Chi phí lãi vay				-	0
24	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết				-	0
25	Chi phí bán hàng	VII.8.b	0	197,947,095	-	263,929,460
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VII.8.a	227,978,910	625,821,536	453,914,246	1,251,643,072
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ((30=20+(21-22)-24(25+26))		1,021,233,226	1,589,881,469	1,491,728,646	2,936,171,368
31	Thu nhập khác				-	0
32	Chi phí khác				-	0
40	Lợi nhuận khác (40=31-32)				-	0
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		1,021,233,226	1,589,881,469	1,491,728,646	2,936,171,368
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			317,976,294	94,099,084	587,234,274
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-	0
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		1,021,233,226	1,271,905,175	1,397,629,562	2,348,937,094
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ				-	
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát				-	
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				-	
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu				-	

Bình Thuận, ngày 25 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

*Trần Văn Cường*

Người lập

*Nguyễn Thị Tuyết*



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN  
Khu phố 11, phường Bình Tân, Huyện Lagi, Tỉnh Bình Thuận

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày: 01/01/2017 đến ngày: 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		81.974.950,000	56.721.000,000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(89.294.650,000)	(66.519,015,000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(40.189.000,000)	(489.000,000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.212	1.245.000,000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(33.855,579)	(140.678,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(47.542,546,367)</b>	<b>(149.720,015,000)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.165.000,000	126.118,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.746,000,000)	
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.419.000,000</b>	<b>126.118.000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(40.123,546,367)</b>	<b>(23,602,015,000)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	40,269,422,827	151,284,813,911
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>145,876,460</b>	<b>127,682,798,911</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

*Nguyễn Thị Tuyết*

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Trần Kiên Cường



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Khai thác, kinh doanh kim loại và các loại quặng kim loại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính văn phòng Công ty giữa niên độ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
2. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Nguyên giá của quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm chuyển giao toàn bộ trách. Mảnh đất này có thời gian sử dụng là vô hạn.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

#### 5. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

#### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sử dụng tỷ giá thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các ngân hàng có giao dịch làm cơ sở đánh giá chênh lệch tỷ giá.

#### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

#### 13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCD dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

#### 16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuế mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính, trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày trong mục VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	87.857.752	211.379.085
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.018.708	40.058.043.742
Cộng	<u>145.876.460</u>	<u>40.269.422.827</u>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai	40.145.599.045	69.845.599.045
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Yên Bái	-	1.718.082.806
Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	3.171.907.200	3.171.907.200
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	6.866.823.581	6.866.823.581
Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận	341.550.000	341.550.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Nguyễn Thành Giang	25.332.230.000	25.332.230.000
Công ty Cổ phần L.Q JOTON	900.000.000	900.000.000
Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng Phú Hòa	33.627.920.582	33.627.920.582
Công ty Hữu Hạn Dịch Bào Quảng Tây	115.676.521.680	
Công ty CP Phát Triển INC	19.530.000.000	
Các khách hàng khác	486.066.603	486.066.603
Cộng	<u>249.637.404.694</u>	<u>142.290.179.820</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Công ty TNHH Năng Lượng Xanh KSA	16.000.000.000		16.000.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Ngôi nhà đầu tiên	69.700.000.000		80.000.000.000	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thuận	45.105.786.000		44.714.559.367	
Công ty TNHH Hạnh Vân	60.980.000.000		70.000.000.000	
Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng Phú Hòa	150.000.000.000		150.000.000.000	
XIAN BEST ELECTRICAL FURNACE TECHNOLOGY CO., LTD	2.959.300.000		2.959.300.000	
KEEN STEP SHIPPING LTD	2.145.000.000		2.145.000.000	
Công ty Cổ phần. Hữu Thịnh	1.200.000.000		1.200.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn	1.000.000.000		1.000.000.000	
Viện khoa học và Công nghệ Mô Luyện Kim	1.000.000.000		1.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Xây dựng Xuất nhập khẩu Hải Dương	600.000.000		600.000.000	
Các đối tượng khác	97.058.259.504		1.079.347.470	
<b>Cộng</b>	<b>386.768.345.504</b>		<b>372.075.840.197</b>	

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản cho Bà Nguyễn Thị Mai vay với lãi suất 0%

**5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về tạm ứng - Ông Phạm Xuân Ái	70.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu về tạm ứng - Bà Phạm Thị Hằng	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Phải thu về tạm ứng - Ông Trần Anh Tú	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	19.220.000	-	19.220.000	-
Phải thu về tạm ứng	30.000.000.000	-	30.200.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.840.428.674	283.736.395	1.840.428.674	283.736.395
• Lê Thị Phương Dung	-	-	-	-
• Công ty TNHH Bảo Anh	379.166.667	265.416.667	379.166.667	265.416.667
• Các đối tượng khác	2.141.412.840	18.319.728	2.497.726.007	18.319.728

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	<u>199.542.799.507</u>	<u>283.736.395</u>	<u>160.096.112.674</u>	<u>283.736.395</u>
6. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	900.000.000	-	900.000.000	-
Hàng hóa	1.338.111.525	-	1.059.725.440	-
Cộng	<u>2.238.111.525</u>	<u>-</u>	<u>1.959.725.440</u>	<u>-</u>
7. Phải thu dài hạn khác				
Lá khoản kỹ kỹ. ký cược dài hạn.				

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.969.338.946	610.436.755	277.549.607	45.121.050	8.902.446.358
Số cuối kỳ	7.969.338.946	610.436.755	277.549.607	45.121.050	8.902.446.358
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.620.239.670	610.436.755	277.549.607	45.121.050	5.553.347.082
Khấu hao trong năm	324.950.684	-	-	-	324.950.684
Số cuối năm	4.945.190.354	610.436.755	277.549.607	45.121.050	5.878.297.766
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.349.099.276	-	-	-	3.349.099.276
Số cuối năm	3.505.733.065	-	-	-	3.505.733.065

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất thừa số 371 tờ bản đồ số 90 có diện tích 105.930 m<sup>2</sup> tại Xã Hải Thắng, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận. Tài sản này hiện không cầm cố, thế chấp hoặc dùng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	22.013.098.283	22.013.098.283
+ Nhà máy xi Titan	2.773.699.500	2.773.699.500
+ Khác	19.239.398.783	19.239.398.783
<b>Cộng</b>	<b><u>22.013.098.283</u></b>	<b><u>22.013.098.283</u></b>

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>238.525.791.268</i>	<i>238.525.791.268</i>	<i>238.525.791.268</i>	<i>238.525.791.268</i>
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận BTC	174.104.379.725	174.104.379.725	174.104.379.725	174.104.379.725
Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	33.614.295.178	33.614.295.178	33.614.295.178	33.614.295.178
Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA	30.807.116.365	30.807.116.365	30.807.116.365	30.807.116.365
<b>Cộng</b>	<b><u>238.525.791.268</u></b>	<b><u>238.525.791.268</u></b>	<b><u>238.525.791.268</u></b>	<b><u>238.525.791.268</u></b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	16.011.994.426	16.011.994.426
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Yên Bái	3.417.265.200	3.417.265.200
Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM	-	48.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	20.988.193.861	82.536.193.861
Công ty Hữu hạn Hoa Điện	115.445.888.000	-
Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm sứ Xây dựng Thiên Lợi	1.505.500.000	1.505.500.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đại Việt	1.419.233.604	1.419.233.604
Các nhà cung cấp khác	79.498.927.724	158.061.723
<b>Cộng</b>	<b><u>238.287.002.815</u></b>	<b><u>105.096.248.814</u></b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	7.175.919.553	46.052.359

**14. Thuế và các khoản phải nộp**

<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp	- 3.230.443.169	94.099.084	40.000.000	3.284.542.253
Thuế thu nhập cá nhân	- 963.856.382			963.856.382
Các loại thuế khác	- 130.523.759			130.523.759
<b>Cộng</b>	<b>- 4.324.823.310</b>			<b>4.378.922.394</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

*Các loại thuế khác*

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thuận	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**16. Vốn đầu tư của chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	934.273.578.000	849.189.834	283.063.278	25.047.613.266	960.452.844.378
Tăng vốn trong năm trước	22.000	-	-	-	22.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.660.687.911	1.660.687.911
Số dư cuối năm trước	934.273.600.000	849.189.834	283.063.278	26.707.701.177	962.113.554.289
Số dư đầu năm nay	934.273.600.000	849.189.834	283.063.278	26.707.701.177	962.113.554.289
Tăng vốn khác	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.397.629.562	1.397.629.562
Số dư cuối năm nay	934.273.600.000	849.189.834	283.063.278	28.105.330.739	963.511.183.851

*Cổ phiếu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	93.427.360	93.427.360
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	93.427.360	93.427.360
- Cổ phiếu phổ thông	93.427.360	93.427.360
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	93.427.360	93.427.360
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.427.360	93.427.360
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	135.206.521.680	159.251.970.395
<b>Cộng</b>	<u>135.206.521.680</u>	<u>159.251.970.395</u>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	133.260.888.000	155.918.226.495
<b>Cộng</b>	<u>133.260.888.000</u>	<u>155.918.226.495</u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.212	1.118.000.000

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	453.914.246	1.251.643.072

**5. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế	-	0
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>0</u>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.491.728.646	2.936.171.368
Thu nhập chịu thuế	1.491.728.646	2.936.171.368
Thu nhập tính thuế	1.491.728.646	2.936.171.368
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>94.099.084</i>	<i>587.234.274</i>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<u>94.099.084</u>	<u>587.234.274</u>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng

  
TRẦN KIÊN CƯỜNG

Lập ngày 25 tháng 6 năm 2017

Tổng Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN  
BÌNH THUẬN  
TX LA GI - T. BÌNH THUẬN  
PHẠM THỊ BÌNH



